

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **113/2022/HS-ST**

Ngày: 28 - 3 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hồng Ngọc
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Cảnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 114/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2022 đối với:

Bị cáo **A T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 2000, tại tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn A (thôn cũ là thôn B), xã C, huyện D, tỉnh Kon Tum; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Xơ Đăng; Tôn giáo: Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 06/12; Họ tên cha: A T1, sinh năm 1978 (còn sống); Họ tên mẹ: Y N, sinh năm 1978 (còn sống); Gia đình có 09 (chín) anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 23 tháng 7 năm 2021, chuyển tạm giam ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Vào khoảng 17 giờ ngày 22 tháng 02 năm 2021, A T mượn điện thoại di động của anh Phan Quốc T2 liên lạc đến số điện thoại 0355718XXX gặp người nam giới (không rõ họ tên địa chỉ) để hỏi mua ma túy với mục đích để sử dụng. Người này đồng ý bán cho A T 02 gói ma túy tổng hợp (hàng đá) với giá 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng). Sau đó A T mượn tài khoản ví Momo của anh T2 (đăng ký theo số điện thoại 0929.529.XXX) để chuyển tiền cho người bán ma túy (A T nói với T2 là chuyển tiền cho người nhà nên T2 không biết việc A T mua ma túy). Sau khi A T chuyển tiền, người bán ma túy chỉ vị trí để ma túy dưới chân cột đầu hẻm tổ 5, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, A T điều khiển xe mô tô biển số 60B3-42XXX đến rủ Phạm Văn L (sinh năm 2004, cư trú tại: Khu phố E, phường F, thành phố G) đi chơi cùng với A T. Khi cả hai đến khu vực chốt kiểm dịch thuộc tổ 5, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, A T nói L dừng xe đứng chờ để A T đi công việc riêng. A T một mình đi vào địa điểm do người bán ma túy chỉ dẫn nêu trên lấy 02 gói ma túy cất giấu trong gói thuốc lá “Jet”. Sau khi lấy, A T cất giấu gói ma túy vào túi quần sau bên phải A T đang mặc, mục đích để sử dụng.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, tại tổ 5, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, khi A T đang cất giấu 02 gói ma túy nêu trên trong vỏ bao thuốc lá “Jet” để sau túi quần sau bên phải A T đang mặc thì bị Công an phường Trảng Dài phát hiện bắt quả tang, chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xử lý.

- Vật chứng thu giữ gồm:

+ 02 (hai) gói nylon được hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (A T khai là ma túy tổng hợp – hàng đá);

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius, biển số 60B3-42XXX có số khung RLCSC6J0GY215XXX, số máy 5C6J215XXX thuộc sở hữu của anh Phan Ngọc Đ. Qua điều tra xác định anh Đ cho anh Phan Quốc T2 mượn xe để làm phương tiện đi lại. Ngày 22 tháng 7 năm 2021, Anh T2 cho A T mượn đi công việc riêng, anh T2 không biết A T sử dụng xe vào mục đích phạm tội. Do anh Đ

và anh T2 không biết A T sử dụng xe vào mục đích phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh Đ.

- Tại kết luận giám định số 1547/KLGD-PC09 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận như sau: “Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng là 0,3509 gam, loại Methamphetamine”.

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 47/CT-VKSBH ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo A T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo A T từ 14 tháng đến 20 tháng tù giam.

Bị cáo A T có mặt không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

3. Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- **Những chứng cứ xác định có tội:** Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản hỏi cung bị can, kết luận giám định, biên bản lấy lời khai người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, tại tổ 5, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, A T có hành vi tàng trữ trái phép 02 (hai) gói ma túy có khối lượng 0,3509 gam, loại Methamphetamine thì bị Công an phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa phát hiện, bắt quả tang.

- **Về tội danh:** Từ căn cứ trên, xác định bị cáo A T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản cáo trạng số 47/CT-VKSBH ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- **Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:** Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, góp phần làm gia tăng các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng. Bị cáo nhận thức rõ được tác hại của ma túy nhưng vẫn tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng là phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng răn đe, đấu tranh phòng ngừa chung.

- **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Không có.

- **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt (chưa tiền án, tiền sự); bị cáo là người dân tộc thiểu số được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo A T

để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về các vấn đề khác:

Đối với người thanh niên (không rõ họ, tên) có hành vi bán ma túy cho A T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với Phạm Văn L (đi cùng A T) và Phan Quốc T (cho A T mượn điện thoại để liên lạc và chuyển tiền), kết quả điều tra xác định L và T2 không liên quan đến hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của A T nên không có cơ sở xử lý.

Đối với số điện thoại 0355.718.XXX, A T liên lạc để mua ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có công văn xác minh tại Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội – Chi nhánh Đồng Nai nhưng chưa có kết quả. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Về vật chứng:

Vật chứng được kết luận là ma túy thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo A T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và đề nghị mức hình phạt là phù hợp quan điểm Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo A T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.
- Xử phạt bị cáo A T 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 7 năm 2021.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong số 1547 ngày 28 tháng 7 năm 2021. Vật chứng này hiện đang lưu giữ tại Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17 tháng 3 năm 2022.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo A T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo A T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Cơ quan THAHS TP. Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Bảo